TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH N

Bản án số: 26/2020/HNGĐ - ST
Ngày 16/10/2020.
(*V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Q.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Quốc T, ông Đinh Công H .

Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị H–Thư ký Toà án nhân dân huyện G, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu L – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện G tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 102/2020/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2020 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn*:* Chị Đinh Thị Hồng H, sinh năm 1989.

HKTT: Xóm 9, xã G, huyện G. tỉnh N.

Chỗ ở hiện nay: Xóm Quang Tân, xã G, huyện G, tỉnh N.

Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Xóm 9, xã G, huyện G. tỉnh N.

Chị H và anh T đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 10 tháng 8 năm 2020, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đinh Thị Hồng H trình bày: Giữa tôi và anh Lê Văn T có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 20/10/2015 tại Ủy ban nhân dân(UBND) xã G huyện G, tỉnh N. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi chung sống với nhau tại nhà anh T ở xóm 9, xã G, huyện G. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách hai vợ chồng không thể hòa hợp, bất đồng trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Anh T lại không chịu tu chí làm ăn dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, xô xát. Cả hai đã cố gắng hòa giải hàn gắn nhưng không được. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn nên đến tháng 08/2020 tôi và con gái đã về nhà bố mẹ đẻ ở xóm Quang Tân, xã G, huyện G để sinh sống (có đăng ký tạm trú). Cả hai sống ly thân từ đó cho đến nay. Hiện nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án cho tôi được ly hôn với anh Lê Văn T.

Về con chung, theo chị H trình bày: Tôi và anh Lê Văn T có 01 con chung, cháu là Lê Mỹ L, sinh ngày 04/7/2017. Hiện nay cháu đang ở với tôi. Khi ly hôn tôi đề nghị Tòa án xét giải quyết cho tôi được tiếp tục nuôi cháu L và tôi không yêu cầu anh T phải đóng góp tiền nuôi con.

Về tài sản và công nợ chung của vợ chồng: Chị H khai vợ chồng không có tài sản và công nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 27/8/2020 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Văn T trình bầy: Việc kết hôn giữa tôi và chị Đinh Thị Hồng H, quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc rồi xẩy ra mâu thuẫn cũng đúng như chị Hạnh đã trình bầy nêu trên. Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do tính cách hai vợ chồng không thể hòa hợp, bất đồng trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình và nuôi dạy con cái chứ không có việc vợ chồng xô sát, không có việc tôi dùng bạo lực với chị H. Tôi thừa nhận chị H đã về nhà bố mẹ đẻ ở xóm Quang Tân, xã G, huyện G kể từ tháng 8/2020 sinh sống và cũng kể từ đó vợ chồng tôi ly thân là đúng. Tại biên bản hòa giải ngày 29/9/2020, anh T thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ nên đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh T trình bầy: Vợ chồng tôi có 01 con chung cháu là Lê Mỹ L, sinh ngày 04/7/2017. Hiện nay cháu đang ở với cô H. Khi ly hôn tôi đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho tôi được trực tiếp nuôi cháu L và tôi không yêu cầu cô H phải đóng góp tiền nuôi con.

Về tài sản và công nợ chung của vợ chồng, anh T trình bày vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm nêu trên. Bị đơn thay đổi quan điểm, không đồng ý ly hôn với chị H, các vấn đề khác bị đơn vẫn giữ nguyên quan điểm.

Tại phiên tòa bà Kiểm sát viên cũng đã có bài phát biểu khẳng định quá trình giải quyết vụ án: Về mặt tố tụng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã xác định đúng, đầy đủ những người tham gia tố tụng, tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không có vi phạm thủ tục tố tụng dân sự. Về nội dung bà Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị: Xử cho chị Đinh Thị Hồng H được ly hôn anh Lê Văn T; Giao cho chị H được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lê Mỹ L cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung; Chị H phải nộp số tiền án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Lê Văn T có địa chỉ: Xóm 9, xã G, huyện G, tỉnh N. Vì vậy việc Tòa án nhân dân huyện G áp dụng Điều 28; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2]Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân của chị Đinh Thị Hồng H và anh Lê Văn T là hoàn toàn hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn hai người chung sống tại xóm 9, xã G, huyện G. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo sự trình bày của cả hai bên cũng như qua xác minh tại địa phương là do tính cách hai vợ chồng không thể hòa hợp, bất đồng trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình và nuôi dạy con cái dẫn đến hay xảy ra cãi vã. Kể từ tháng 8/2020 đến nay chị H đã về nhà bố mẹ đẻ ở xóm Quang Tân, xã G, huyện G để sinh sống và hai người đã sống ly thân hoàn toàn. Tại phiên tòa anh T tuy không đồng ý ly hôn nhưng cũng thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng là có thực, không còn khả năng đoàn tụ. Phía chị H thì kiên quyết xác định không còn tình cảm thương yêu gì với anh T nữa. Do đó có căn cứ xác định rằng mâu thuẫn vợ chồng chị Đinh Thị Hồng H và anh Lê Văn T đã trở nên trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị Đinh Thị Hồng H, xử cho chị H được ly hôn anh Lê Văn T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Do sự trình bày của hai bên là thống nhất nên Tòa án xác định vợ chồng chị H và anh T có một con chung. Cháu tên là Lê Mỹ L, sinh ngày 04/7/2017. Cả anh T và chị H đều yêu cầu được nuôi con chung. Xét hiện nay cả chị H và anh T đều không vi phạm nghĩa vụ làm cha mẹ, đều có việc làm và thu nhập ổn định. Cụ thể chị H có mức lương cơ bản(chưa kể tăng ca) là 4.000.000 đồng/tháng, anh T có thu nhập trung bình là 15.000.000 đồng/tháng nên cả hai đều có đủ điều kiện nuôi con chung. Tuy nhiên, hiện nay cháu L là con gái, lại còn quá nhỏ mới hơn 39 tháng tuổi nên rõ ràng cần sự chăm sóc của người mẹ hơn. Ngoài ra, cháu đang ở ổn định với chị H từ tháng 8/2020 cho đến nay, cháu L được chị H nuôi dưỡng, chăm sóc và cho đi học rất tốt tại trường Mầm non xã G. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cháu Lê Mỹ L cho chị H tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp. Việc cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu nên không buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Các bên đương sự đều không có yêu cầu Toà án xem xét giải quyết nên Tòa không xét.

[5] Về án phí: Chị Đinh Thị Hồng H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a

khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,:

1. Xử cho chị Đinh Thị Hồng H được ly hôn anh Lê Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Đinh Thị Hồng H được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lê Mỹ L, sinh ngày 04/7/2017 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi; anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

3. Về án phí: Chị Đinh Thị Hồng H phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân huyện G theo biên lai số AA/2019/0000114 ngày 11/8/2020.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- *Toà án tỉnh N;*
- *VKS huyện G;*
- *Chi cục THADS G;*
- *UBND xã G;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, Vp.*

NGUYỄN HỮU Q